

# Kinh tế và Dự báo



Economy  
Forecast  
Review

06/2019  
Số 18

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ISSN 0866-7120

**Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế  
vùng đồng bằng sông Cửu Long  
trong điều kiện biến đổi khí hậu**



# Kinh tế và Dự báo

ECONOMY AND FORECAST REVIEW

## MỤC LỤC

### CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

#### Tổng Biên tập

PGS, TS. LÊ XUÂN ĐÌNH

#### Phó Tổng Biên tập

ĐỖ THỊ PHƯƠNG LAN

NGUYỄN LÊ THỦY

#### Hội đồng Biên tập

TS. CAO VIẾT SINH

PGS, TS. LÊ QUỐC LÝ

PGS, TS. BÙI TẮT THẮNG

TS. NGUYỄN ĐÌNH CUNG

PGS, TS. NGUYỄN HỒNG SƠN

GS, TS. TRẦN THỌ ĐẠT

PGS, TS. TRẦN ĐÌNH THIÊN

PGS, TS. NGUYỄN ĐÌNH THỌ

PGS, TS. NGUYỄN TIẾN DŨNG

TS. VƯƠNG QUÂN HOÀNG

#### Tòa soạn và trị sự

65 Văn Miếu - Đống Đa - Hà Nội

Tel: 080.43174 / 080.44474

Fax: 024.3747.3357

Email: kinhtedubao@mpi.gov.vn

#### Tạp chí điện tử

<http://kinhtevadubao.vn>

#### Chi nhánh phía Nam

289 Điện Biên Phủ,

Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh

Tel/Fax: 028 3933 0669

#### Quảng cáo và phát hành

Tòa soạn: 080.48310 / 0905 646 814

Qua mạng lưới Bưu điện Việt Nam

Giấy phép xuất bản: 115/GP-BTTTT

In tại: Công ty CP in Công đoàn Việt Nam

<b>Vũ Hoàng Ngân, Hoàng Thị Huệ, Nguyễn Thị Hải Hạnh:</b> Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong điều kiện biến đổi khí hậu .....	3
<b>Phạm Ngọc Khanh:</b> Đánh giá chất lượng tăng trưởng vùng Kinh tế Trọng điểm phía Nam: Cách tiếp cận nâng suất nhân tố tổng hợp.....	10
<b>Bùi Cẩm Phượng:</b> Nghiên cứu áp dụng khung sinh kế nhằm phát triển bền vững du lịch cộng đồng .....	15
<b>Bùi Nguyên Khá, Trần Thị Thanh Phương:</b> Bàn luận chỉ số giá trên thu nhập về định giá doanh nghiệp .....	19
<b>Nguyễn Dung Tuấn:</b> Vốn nhân lực và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam..	23
<b>Huỳnh Tấn Khương:</b> Ứng dụng công cụ mentoring trong hoạt động đào tạo tại các trường đại học .....	27
<b>Chu Thị Thu:</b> Đánh giá tác động kinh tế - xã hội dự án Vườn Thực vật Quốc gia - Núi Luốt, Trường Đại học Lâm nghiệp .....	31
<b>Nguyễn Thị Hải Ninh, Vũ Thị Minh Ngọc, Nguyễn Như Bằng, Chu Thị Hồng Phương, Trần Đức Anh:</b> Giải pháp phát triển lâm sản ngoài gỗ tỉnh Hà Tĩnh .....	36
<b>Lưu Mỹ Linh, Nguyễn Ngọc Đạt:</b> Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi xem các chiến dịch truyền thông trên mạng xã hội của người dùng tại Việt Nam.....	40
<b>Trần Quốc Thống:</b> Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng Việt Nam: Vai trò trung gian của niềm tin.....	44
<b>Nguyễn Phước Hoàng:</b> Xây dựng mô hình và giả thuyết nghiên cứu phát triển du lịch sinh thái bền vững tại tỉnh Cà Mau.....	49
<b>Phương Thị Ngọc Mai:</b> Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia tổ chức du lịch cộng đồng của người dân tại TP. Đà Lạt .....	53
<b>Phạm Công Toàn, Nguyễn Thị Gấm, Lương Thị A Lúa:</b> Thực trạng vai trò của phụ nữ dân tộc Tày ở huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn trong hoạt động sản xuất của hộ.....	57
<b>Phạm Thị Duy Phương:</b> Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách đến đảo Bình Ba, tỉnh Khánh Hòa.....	62
<b>Lê Hoài An, Nguyễn Văn Ngọc Hải, Nguyễn Ngọc Trân:</b> Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn điểm đến Khu Du lịch sinh thái Xẻo Quýt - tỉnh Đồng Tháp của du khách nội địa.....	66
<b>Nguyễn Văn Trị:</b> Giải pháp phát triển đội ngũ giảng viên của Trường Đại học Nội vụ Hà Nội trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0.....	70
<b>Đặng Nguyên Bảo:</b> Những yếu tố quyết định trong đòn bẩy tài chính của các công ty có tỷ lệ nợ cao - Nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam.....	74
<b>Phạm Thị Bích Duyên, Phạm Thị Kiều Khanh:</b> Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam .....	78
<b>Phạm Thu Hằng:</b> Đánh giá tác động của tăng trưởng việc làm theo ngành đến giảm nghèo ở Việt Nam trong giai đoạn 2010-2016 .....	83
<b>Trần Trí Cường:</b> Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn vay ngân hàng của doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ tại tỉnh Trà Vinh.....	87
<b>Lê Thu Hạnh:</b> Xây dựng mô hình lý thuyết các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên các ngân hàng thương mại.....	91
<b>Vũ Đức Bảo, Đào Thị Phương Liên:</b> Hạn chế trong đa dạng hóa nguồn lực tài chính cho phát triển kết cấu hạ tầng giao thông TP. Hà Nội.....	95
<b>Võ Thị Thu Diệu:</b> Các nhân tố ảnh hưởng đến văn hóa doanh nghiệp tại các NHTM cổ phần có chi nhánh tại Quảng Ngãi.....	99
<b>Uông Thị Nga, Nguyễn Thị Mai:</b> Nghiên cứu sự hài lòng của khách hàng sử dụng dịch vụ kiểm định của Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Thanh Hóa 3601S.....	104



# Giải pháp phát triển lâm sản ngoài gỗ tỉnh Hà Tĩnh

NGUYỄN THỊ HẢI NINH\*\*  
VŨ THỊ MINH NGỌC\*\*  
NGUYỄN NHƯ BÀNG\*\*\*  
CHU THỊ HỒNG PHƯỢNG\*\*\*\*  
TRẦN ĐỨC ANH\*\*\*\*\*

## Tóm tắt

Nghiên cứu tiến hành điều tra tại 3 huyện của tỉnh Hà Tĩnh, gồm: Hương Sơn, Hương Khê và Vũ Quang; Mỗi huyện điều tra hai xã, mỗi xã điều tra 40 hộ gia đình, tổng điều tra 240 hộ có tham gia thu hái, gây trồng lâm sản ngoài gỗ (LSNG), thuộc 3 nhóm LSNG có công dụng làm làm nguyên liệu; dược liệu và làm thực phẩm. Trên cơ sở phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển LSNG, phân tích SWOT, nghiên cứu đề xuất 5 nhóm giải pháp góp phần bảo tồn và phát triển LSNG trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, gồm: (i) Giải pháp về quy hoạch; (ii) Giải pháp về quản lý bảo vệ; (iii) Giải pháp về chế biến và thị trường tiêu thụ; (iv) Giải pháp về cơ chế chính sách; và (v) Giải pháp về kỹ thuật.

**Từ khóa:** lâm sản ngoài gỗ, các yếu tố ảnh hưởng, Hà Tĩnh

## Summary

This study was conducted in three districts of Huong Son, Huong Khe and Vu Quang in Ha Tinh province. The authors interviewed 240 respondents who collected or planted non-timber forest products (materials for handicraft, foods, and medical plants) in six communes (40 households from each commune) in the aforementioned districts (two communes in each district). Based on analyzing determinants of the development of non-timber forest products and SWOT, the study proposed five solutions to non-timber forest products development in the province, including: (i) planning; (ii) management and protection; (iii) processing and market; (iv) development policies; and (v) technology.

**Keywords:** non-timber forest products, determinants, Ha Tinh

## GIỚI THIỆU

Hiện tại, trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh chủ yếu diễn ra việc khai thác LSNG từ rừng tự nhiên sẵn có, ít quan tâm đến bảo tồn và phát triển LSNG. Việc khai thác quá mức làm suy thoái, cạn kiệt các loài LSNG.

Vì thế, phát triển LSNG trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh là giải pháp cần thiết nhằm khắc phục tình trạng khai thác, sử dụng gỗ quá mức hiện nay, góp phần làm tăng trưởng diện tích và chất lượng rừng, đảm bảo an ninh môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ hệ sinh thái. Phát triển LSNG sẽ đảm bảo cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, cung cấp các sản phẩm tiêu thụ trong Tỉnh, trong nước và xuất khẩu. Đảm bảo an toàn sinh kế cho nông dân vùng có

rừng, thực hiện xoá đói giảm nghèo, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng và góp phần làm giàu cho Tỉnh.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### Phương pháp chọn điểm nghiên cứu khảo sát

Đề tài chọn 3 huyện, trên địa bàn mỗi huyện chọn 3 xã để nghiên cứu khảo sát, đây là những địa phương đa diện cho các vùng phát triển mạnh các loài LSNG, như: Nhóm LSNG làm dược liệu (ba kích, hoàng đằng, thiến

\*, \*\*, \*\*\*, \*\*\*\*, Trường Đại học Lâm nghiệp

\*\*\*\*\* Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp và Dịch vụ Hương Sơn

Ngày nhận bài: 10/05/2019; Ngày phản biện: 17/05/2019; Ngày duyệt đăng: 24/05/2019



một kiện, chè dây, dây máu chó...):  
Xã Sơn Kim 1, Sơn Hồng và xã Sơn  
Tây - huyện Hương Sơn; Nhóm LSNG  
làm nguyên liệu (mây, tre, nứa...): Xã  
Phù Giã, xã Hòa Hải và xã Phúc Đồng  
- huyện Hương Khê; Nhóm LSNG làm  
thực phẩm (nấm, măng, nghệ, gừng...):  
Xã Hương Quang, Hương Minh và xã  
Sơn Thọ - huyện Vũ Quang.

**Phương pháp phân tích SWOT**

SWOT là công cụ phân tích hữu  
hiệu, giúp chúng ta hiểu vấn đề của sự  
việc, là từ viết tắt của Strengths (Điểm  
mạnh); Weaknesses (Điểm yếu);  
Opportunities (Cơ hội); Threats (Nguy  
cơ, thách thức). Mô hình SWOT thường  
đưa ra 4 đánh giá cơ bản: (1) SO: Các  
giải pháp về chiến lược bảo tồn, phát  
triển LSNG trên điểm mạnh của địa  
phương để tận dụng các cơ hội trong bảo  
tồn, phát triển LSNG và phát triển kinh  
tế; (2) WO: Các chiến lược dựa trên khả  
năng vượt qua các điểm yếu của địa  
phương để tận dụng cơ hội bên ngoài  
trong bảo tồn, phát triển LSNG và phát  
triển kinh tế và môi trường; (3) ST: Các  
chiến lược dựa trên ưu thế của địa  
phương trong bảo tồn, phát triển LSNG  
để tránh các nguy cơ thách thức từ bên  
ngoài mang lại; (4) WT: Các chiến lược  
kế hoạch được xây dựng dựa trên khắc  
phục điểm yếu và hạn chế những thách  
thức từ bên ngoài trong bảo tồn, phát  
triển LSNG tỉnh Hà Tĩnh.

**KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**Các yếu tố ảnh hưởng đến phát  
triển lâm sản ngoài gỗ tỉnh Hà Tĩnh**

**Yếu tố khách quan**

**Điều kiện tự nhiên**

- Hà Tĩnh có diện tích rừng tự nhiên lớn,  
phong phú và đa dạng về các loài LSNG.
- Việc kiểm soát, quản lý, sử dụng  
và phát triển LSNG nếu không chặt chẽ  
sẽ ảnh hưởng đến hệ sinh thái rừng, môi  
trường tự nhiên.

**Điều kiện kinh tế - xã hội**

- Vai trò của LSNG ngày càng được  
khẳng định và nâng cao.
- Khoa học, công nghệ phát triển nên  
giá trị của một số loài LSNG sẽ được  
khẳng định, từ đó thúc đẩy việc phát triển.

**Nhu cầu thị trường**

- Làng nghề truyền thống sử dụng  
nguyên liệu LSNG và kinh tế tư nhân  
trong lĩnh vực chế biến Lâm sản đang  
phát triển nhanh.

- Kim ngạch xuất khẩu LSNG ổn định, tiêu thụ  
LSNG trên thị trường nội địa có xu hướng tăng lên, tập  
trung vào nhóm sản phẩm cây có sợi, cây dược liệu và  
chiết xuất.

**Các chính sách phát triển**

UBND tỉnh Hà Tĩnh đã phê duyệt quy hoạch lại 3  
loại rừng vào năm 2006; phê duyệt Đề án tái cơ cấu  
ngành Nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng nâng cao giá  
trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng  
nông thôn mới vào năm 2014; Quyết định số 1491/QĐ-  
UBND, ngày 09/06/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về  
việc phê duyệt Kế hoạch hành động “Giảm phát thải  
khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy  
thoái rừng, quản lý rừng bền vững, bảo tồn và nâng  
cao trữ lượng các bon từ rừng” tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn  
2016-2020; Sở Nông nghiệp và PTNT tiến hành xây  
dựng Đề án “Lâm sản ngoài gỗ tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn  
2016-2025, định hướng đến năm 2030”, là một trong  
những hoạt động đóng góp vai trò quan trọng trong  
việc hỗ trợ phát triển bền vững tài nguyên rừng trên  
địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Tuy nhiên, chính sách về LSNG thiếu đồng bộ, bất  
cập, chưa tạo động lực, chưa được đầu tư. Vấn đề giao  
đất, quy hoạch sử dụng đất cho mục đích phát triển  
LSNG ở địa phương còn hạn chế, chưa chi tiết, cụ thể  
đến từng vùng. Chưa xác lập rõ ràng về mặt pháp lý  
quyền sở hữu/quyền sử dụng tài nguyên LSNG trong  
rừng tự nhiên được giao, được thuê, được khoán cho hộ  
gia đình, cá nhân và cộng đồng.

**Yếu tố chủ quan**

**Trình độ kỹ thuật canh tác**

Hầu như người dân tại các điểm nghiên cứu chủ yếu  
khai thác, thu hái LSNG từ rừng tự nhiên, chưa quan  
tâm đến việc gây trồng.

Nếu có hoạt động gây trồng LSNG, quy mô nhỏ lẻ,  
manh mún, tự phát, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm tích  
lũy của bản thân.

Người dân chưa tiếp cận nhiều với các công nghệ  
khoa học khiến cho chất lượng cây trồng và chất lượng  
sản phẩm tạo ra còn nhiều hạn chế. Việc xây dựng mô  
hình trồng hợp lý, áp dụng khoa học và công nghệ tiên  
tiến vào quá trình trồng, chăm sóc cây LSNG làm được  
liệu là rất cần thiết để đảm bảo năng suất cây trồng,  
cũng như bảo vệ nguồn gen tối ưu của các loài cây.

**Trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý**

Thiếu cơ quan đầu mối để quản lý LSNG, việc bảo  
tồn, phát triển, kinh doanh LSNG nói chung còn bỏ ngõ,  
chủ yếu do người dân tự phát, ngoại trừ một vài loài  
LSNG, như: cao su, nhựa thông, động vật rừng...

**Tiềm lực kinh tế của các chủ thể sản xuất**

- Nguồn lực của nhân dân còn hạn chế.
- Thiếu hướng dẫn, thiếu vốn đầu tư để thực thi  
công tác bảo tồn, phát triển vùng nguyên liệu và hiện  
đại hóa cơ sở chế biến LSNG.

- Các cơ sở chế biến LSNG hầu hết hiện đang nhỏ  
lẻ, phân tán.

- Công nghệ chế biến và bảo quản lạc hậu, sản  
phẩm đầu ra chất lượng và giá trị chưa cao, chưa gắn

gỗ

HÀ TĨNH  
MINH NGỌC  
NHƯ BÀNG  
PHƯƠNG  
ĐỨC ANH

g Khê và  
240 hộ có  
dụng làm  
rừng đến  
ảo tồn và  
Giải pháp  
về cơ chế

ng in Ha  
n-timber  
unes (40  
in each  
products  
pment in  
sing and

nghèo, giữ  
ữ vững an  
n làm giàu

N CỨU

m nghiên

ên địa bàn  
ghiên cứu,  
phương đại  
triển mạnh  
LSNG làm  
làng, thiên



**BẢNG: BẢNG PHÂN TÍCH ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU, CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC  
PHÁT TRIỂN LSNG TỈNH HÀ TĨNH**

<b>Điểm mạnh (S)</b>	<b>Điểm yếu (W)</b>
<p><math>S_1</math>: Hà Tĩnh diện tích rừng lớn, điều kiện tự nhiên thích hợp với nhiều loài LSNG có giá trị kinh tế cao.</p> <p><math>S_2</math>: Hà Tĩnh có VQG Vũ Quang, KBTTN Kê Gồ đang giữ gìn, bảo vệ nhiều loài có giá trị về kinh tế và Khoa học.</p> <p><math>S_3</math>: Nhận được sự quan tâm của UBND tỉnh về phát triển LSNG, đồng thời nhận thức của người dân địa phương được nâng lên, nhiều hộ có nguồn thu ổn định từ LSNG.</p> <p><math>S_4</math>: Diện tích rừng chủ yếu đã được giao khoán cho người dân bảo vệ (97% diện tích rừng).</p> <p><math>S_5</math>: Một số sản phẩm LSNG có số lượng lớn, có khả năng phát triển thành sản xuất hàng hoá như: Mây tre đan, một số loài cây dược liệu: chè dây, Thiên niên kiện, Ba Kích... nghệ, gừng...</p>	<p><math>W_1</math>: Thông tin về LSNG còn thiếu nhiều, trong khi việc điều tra nguồn tài nguyên LSNG ở từng huyện và trong toàn Tỉnh còn hạn chế.</p> <p><math>W_2</math>: Công tác quy hoạch, kế hoạch quản lý, sử dụng, phát triển LSNG chưa được xây dựng.</p> <p><math>W_3</math>: Các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn chưa xác định đúng vị trí, vai trò của LSNG, thậm chí còn xem nhẹ; Sự hỗ trợ phát triển LSNG ở cấp tỉnh còn chưa được rõ ràng, chưa có cơ chế cụ thể.</p> <p><math>W_4</math>: Chính sách về LSNG thiếu đồng bộ, chưa tạo động lực khuyến khích người dân và cộng đồng địa phương tham gia bảo tồn và phát triển LSNG.</p> <p><math>W_5</math>: Công tác đào tạo và khuyến nông khuyến lâm chưa thực sự sâu sát, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học, kỹ thuật còn chậm. Sự liên kết giữa nghiên cứu - đào tạo - khuyến lâm - sản xuất và thương mại trong lĩnh vực LSNG còn bất cập.</p> <p><math>W_6</math>: Người dân địa phương chủ yếu là khai thác và sử dụng LSNG từ rừng tự nhiên. Coi LSNG như một tài nguyên vô tận, ít chú ý tái tạo, bảo tồn.</p> <p><math>W_7</math>: Các mô hình gây trồng LSNG còn rất ít, quy mô còn nhỏ, chủ yếu mang tính tự phát, tự cung tự cấp, chưa phát triển thành hàng hóa.</p> <p><math>W_8</math>: LSNG sau khi khai thác, thu hái chủ yếu tiêu thụ dạng nguyên liệu thô tại chỗ, nên giá bán thấp.</p> <p><math>W_9</math>: Việc tiêu thụ LSNG phụ thuộc hoàn toàn vào thương lái. Công tác sản xuất, chế biến, tiêu thụ chủ yếu là tự phát, quy mô nhỏ, không có kế hoạch.</p> <p><math>W_{10}</math>: Hợp tác, chia sẻ thông tin về thị trường, kỹ thuật giữa các cơ sở sản xuất, cơ quan quản lý, các nhà khoa học còn hạn chế.</p> <p><math>W_{11}</math>: Cơ sở vật chất hạ tầng còn chưa phát triển, đặc biệt là đường giao thông còn khó khăn ở một số xã.</p>
<b>Cơ hội (O)</b>	<b>Thách thức (T)</b>
<p><math>O_1</math>: Tại tỉnh Hà Tĩnh có các dự án quốc tế như dự án của FSC.</p> <p><math>O_2</math>: Việt Nam đã gia nhập, hội nhập vào nền kinh tế thế giới, Hà Tĩnh lại có vị trí địa lý thuận lợi, nằm trong Hành lang Kinh tế Đông - Tây, điều đó có nhiều cơ hội cho việc phát triển, tiêu thụ LSNG.</p> <p><math>O_3</math>: Nhu cầu tiêu dùng LSNG trong và ngoài nước có xu hướng tăng, tạo cơ hội cho phát triển LSNG.</p>	<p><math>T_1</math>: Việc kiểm soát khai thác, quản lý, sử dụng LSNG nếu không chặt chẽ sẽ ảnh hưởng đến hệ sinh thái rừng, môi trường tự nhiên, số loài quý hiếm có giá trị đang có nguy cơ bị tuyệt chủng.</p> <p><math>T_2</math>: Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế đã làm tăng sự cạnh tranh đối với chất lượng LSNG.</p>

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ điều tra

được vùng nguyên liệu với chế biến, có tính cạnh tranh thấp.

**Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với phát triển sản xuất LSNG ở Hà Tĩnh**

Nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp SWOT để phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với phát triển LSNG trên địa bàn nghiên cứu. Kết quả như Bảng.

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP**

**Giải pháp về quy hoạch**

Kết hợp ma trận SWOT giữa  $S_{1,3}$ ,  $T_1$  và  $W_{1,2,3}$ ,  $T_1$  chúng tôi đề xuất cần có giải pháp ngay về quy hoạch, cụ thể là:

*Thứ nhất*, tiến hành điều tra, thống kê, đánh giá chi tiết, mức độ phong phú, trữ lượng các loài có giá trị kinh tế, nghiên cứu khoa học làm cơ sở cho việc quy hoạch và đưa ra các biện pháp quản lý, bảo tồn và phát triển phù hợp cho từng loài, cho từng cộng đồng và từng địa phương cụ thể.

*Thứ hai*, xác định diện tích và sự phân bố các loại LSNG trong kỳ quy hoạch. Có biện pháp quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển các loại LSNG cụ thể trên từng địa bàn xã, huyện. Trên cơ sở quy hoạch chung toàn Tỉnh, cần lập quy hoạch bảo vệ và phát triển LSNG của từng huyện và trên cơ sở quy hoạch của cấp huyện, chính quyền cấp xã tổ chức việc lập quy hoạch kế hoạch bảo vệ và phát triển LSNG.

*Thứ ba*, về tổ chức phát triển LSNG theo hai loại hình: tập trung và phân tán. Xây dựng các khu rừng LSNG tập trung ở những nơi có diện tích lớn, điều kiện thổ nhưỡng phù hợp, liền vùng thuận lợi cho quản lý và tổ chức tiêu thụ, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong việc bảo vệ các khu rừng lâm đặc sản, ưu tiên trồng mới các loài có nhiều tác dụng cho sản phẩm thu hoạch hàng năm: như:



hoa, lá, măng... có khả năng đem lại giá trị kinh tế cao. Những nơi không có điều kiện phát triển LSNG tập trung, nên động viên người dân trồng các loại cây phân tán, tận dụng tối đa quỹ đất trong các vườn hộ, trong khu ở dân cư cho việc trồng mới LSNG. Trước mắt, xây dựng một số mô hình phát triển LSNG, sau đó mới nhân rộng.

Xây dựng chương trình trồng LSNG thích hợp, trong đó tận dụng tối đa các vùng đất trống, đồi núi trọc. Huy động và khuyến khích mọi thành phần kinh tế, kể cả trong và ngoài nước tham gia đầu tư thông qua việc cho thuê đất dài hạn.

#### **Giải pháp về quản lý bảo vệ**

Dựa trên sự kết hợp giữa  $S_{2,4}$ ,  $W_{4,5,6,10}$  và  $W_{9,11}$ , chúng tôi đề xuất căn cứ giải pháp về quản lý bảo vệ, cụ thể:

Việc khai thác, sử dụng LSNG phải nhất thiết dựa trên kế hoạch đã được lập ra, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của từng địa phương.

Tổ chức ngăn chặn và xử lý tình trạng khai thác quá mức làm suy thoái, cạn kiệt các loài LSNG. Điều tra nắm thật kỹ việc khai thác buôn bán trái phép LSNG trong vùng và qua các cửa khẩu trên địa bàn, có biện pháp xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm.

Tăng cường tuyên truyền nhằm góp phần thay đổi về mặt nhận thức của chính quyền các cấp, của cán bộ và nhân dân trong vùng về vai trò, giá trị kinh tế của LSNG, có sự phối hợp đồng bộ trong việc bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, khai thác và sử dụng các loài LSNG một cách hiệu quả, bền vững.

#### **Giải pháp pháp về kỹ thuật**

Từ sự kết hợp  $S_{2,1}$  và  $W_{4,6,7,8}$ ,  $T_{1,2}$  tỉnh Hà Tĩnh nên đầu tư theo chiều sâu để phát triển LSNG. Trước hết, cần ưu tiên những loài có giá trị đã và đang có nguy cơ bị tuyệt chủng để bảo tồn. Tiếp theo, nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật để phát triển trong sản xuất, bao gồm: kỹ thuật về chọn tạo giống, gây trồng, khai thác, sơ chế và bảo quản các sản phẩm.

Những loài đã nghiên cứu phát triển trong sản xuất cần nghiên cứu bổ sung nâng cao chất lượng giống và kỹ thuật trồng thâm canh.



**Chính sách về LSNG thiếu đồng bộ, bất cập, chưa tạo động lực, chưa được đầu tư. Vấn đề giao đất, quy hoạch sử dụng đất cho mục đích phát triển LSNG ở địa phương còn hạn chế, chưa chi tiết, cụ thể đến từng vùng. Chưa xác lập rõ ràng về mặt pháp lý quyền sở hữu/quyền sử dụng tài nguyên LSNG trong rừng tự nhiên được giao, được thuê, được khoán cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng.**

#### **Giải pháp về chế biến và thị trường tiêu thụ**

Trên cơ sở kết hợp giữa  $S_{5,2,3}$  và  $W_{9,11}$ ,  $O_3$ , theo chúng tôi, địa phương nên chú trọng đầu tư, phát triển cơ sở chế biến LSNG vừa và nhỏ, làng nghề thủ công truyền thống có sử dụng nguyên liệu LSNG; mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước, đẩy mạnh xúc tiến thương mại để xác định mặt hàng chủ lực làm cơ sở định hướng phát triển vùng nguyên liệu LSNG.

Thiết lập thị trường tìm đầu ra cho sản phẩm LSNG, tổ chức dạy nghề tạo việc làm, khôi phục các làng nghề để cộng đồng cùng tham gia sản xuất các mặt hàng có giá trị kinh tế cao dùng cho tiêu thụ nội địa và xuất khẩu, như: đan lát mây tre đan mỹ nghệ xuất khẩu, đan cọt, làm nón lá, làm hương... tạo thu nhập ổn định cho cộng đồng dân cư sống gần rừng.

#### **Giải pháp về cơ chế chính sách**

Kết hợp từ  $W_{4,5}$ ,  $T_1$ , UBND tỉnh Hà Tĩnh cần:

- Có chính sách đồng bộ để khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng tham gia bảo vệ, khai thác, gây trồng, chế biến và phát triển gây trồng, nuôi LSNG.

- Tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền; bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn, xây dựng mô hình và chuyển giao công nghệ; tư vấn và dịch vụ khuyến lâm về LSNG.

- Tăng cường cán bộ khuyến lâm, kiểm lâm và trách nhiệm của đội ngũ này trong quản lý bảo vệ LSNG.

- Quy định rõ hơn quyền lợi, nghĩa vụ của người dân trong việc gây trồng, bảo tồn và phát triển LSNG.

- Tạo chính sách thông thoáng về lưu thông, tiêu thụ LSNG, mở rộng thị trường tiêu thụ LSNG.

- Chính sách cho vay tín dụng ưu đãi trong việc gây trồng, chế biến... LSNG; thời gian hoàn trả vốn vay khi có sản phẩm khai thác chính. □

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. UBND tỉnh Hà Tĩnh (2017). *Quyết định số 607/UBND, ngày 03/03/2017 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020*
2. UBND tỉnh Hà Tĩnh (2017). *Quyết định số 1864/QĐ-UBND, ngày 03/07/2017 phê duyệt Đề án lâm sản ngoài gỗ tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030*
3. Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh (2012-2018). *Niên giám Thống kê các năm, từ 2011 đến 2017*, Nxb Thống kê